

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2026

## ĐỀ ÁN

### Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

#### 1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

**1.1. Tên cơ sở đào tạo:** Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển (Viện KTTVMTB)

- Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, TP. Hà Nội.
- Địa chỉ website: <https://imh.ac.vn>.

#### 1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ:

**1.2.1. Số lượng ngành đào tạo:** Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển đào tạo trình độ tiến sĩ 04 ngành, chi tiết như sau:

STT	Tên ngành	Mã số
1	Biến đổi khí hậu	9440221
2	Khí tượng và khí hậu học	9440222
3	Thủy văn học	9440224
4	Quản lý tài nguyên và môi trường	9850101

**1.2.2. Quy mô nghiên cứu sinh:** Viện KTTVMTB có 22 nghiên cứu sinh đang theo học tại Viện<sup>1</sup>.

#### 1.2.3. Kết quả nghiên cứu:

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển (Viện KTTVMTB) được thành lập trên cơ sở hợp nhất Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu với Viện Khoa học Môi trường, Biển và Hải đảo là viện nghiên cứu cơ bản trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Từ khi thành lập đến nay, Viện KTTVMTB đã thực hiện nhiều chương trình, đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng quy trình, quy phạm, điều tra, khảo sát, nghiên cứu thực địa v.v. Các hoạt động khoa học công nghệ của Viện KTTVMTB được triển khai thực hiện ở cả các cấp: cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Cơ sở và cấp tỉnh. Viện KTTVMTB cũng đã chủ trì nhiều đề tài thuộc các chương trình khoa học trọng

<sup>1</sup> Bao gồm 01 nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công LATS cấp Viện, chưa nhận Quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ.

điểm quốc gia, nhiều đề tài độc lập cấp nhà nước và hàng trăm đề tài cấp Bộ và cấp Cơ sở có ý nghĩa quan trọng phục vụ phát triển bền vững KT-XH đất nước.

Viện KTTVMTB đã đạt được một số kết quả nổi bật, góp phần phục vụ đắc lực cho các công trình trọng điểm, phục vụ phát triển KT-XH và phát triển ngành. Việc triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu đã góp phần quan trọng vào việc đào tạo, nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu.

**Xây dựng các bộ dữ liệu và tài liệu quốc gia quan trọng:** Viện đã chủ trì xây dựng và liên tục cập nhật Kịch bản Biến đổi khí hậu (BĐKH) và Nước biển dâng cho Việt Nam; xuất bản Báo cáo SREX (về quản lý rủi ro thiên tai), Báo cáo Đánh giá khí hậu quốc gia và Atlas khí hậu - BĐKH.

**Hoàn thiện công cụ quản lý nhà nước về BĐKH:** Phát triển bộ chỉ số đánh giá hiệu quả thích ứng BĐKH và thiết lập cơ sở khoa học cho hệ thống giám sát – báo cáo – thẩm định (MRV) phục vụ các cam kết quốc tế.

**Thành lập các bản đồ và hệ thống cảnh báo thiên tai:** Xây dựng hệ thống bản đồ phân vùng rủi ro lũ quét, hạn hán, sóng thần và thiết lập hệ thống cảnh báo cấp độ rủi ro đối với bão, áp thấp nhiệt đới.

**Ứng dụng công nghệ cao trong dự báo:** Tích hợp Trí tuệ nhân tạo (AI), Học máy, viễn thám, UAV và IoT để giám sát hạn hán thời gian thực, đồng thời nâng cao độ tin cậy trong việc dự báo lũ, ngập lụt đô thị, mưa lớn và xâm nhập mặn.

**Đánh giá và kiểm soát ô nhiễm môi trường:** Nghiên cứu thành công sự phát tán và tác động của ô nhiễm vi nhựa tại các hệ sinh thái cửa sông, biển đảo; đồng thời giám sát, dự báo chất lượng không khí và sự lan truyền ô nhiễm tại các đô thị lớn.

**Phát triển kinh tế tuần hoàn:** Nghiên cứu và áp dụng vào thực tiễn các mô hình xử lý chất thải theo hướng tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng cho các lò giết mổ tập trung và làng nghề.

**Nghiên cứu và quản lý tài nguyên biển:** Cung cấp cơ sở khoa học phân loại hệ sinh thái biển Việt Nam; phát triển công cụ quản lý vùng ven bờ (mô hình dự báo mực nước tổng cộng, bể thí nghiệm số mô phỏng dòng chảy) và cảnh báo chi tiết rủi ro ngập lụt do nước biển dâng.

## 2. Các nội dung cụ thể của đề án

**2.1. Đối tượng tuyển sinh:** Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 7, quy định chi tiết đào tạo trình độ tiến sĩ được ban hành kèm theo Quyết định số 44/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu (nay là Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển).

**2.2. Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển

**2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành:**

STT	Tên ngành	Mã số	Chỉ tiêu đợt I năm 2026
1	Biến đổi khí hậu	9440221	02 chỉ tiêu
2	Khí tượng và khí hậu học	9440222	02 chỉ tiêu
3	Quản lý tài nguyên và môi trường	9850101	04 chỉ tiêu

## 2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học:

### 2.4.1. Các hướng nghiên cứu:

Các hướng nghiên cứu của các ngành đào tạo tiên sĩ.

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>Ngành Biến đổi khí hậu</b>			
1	Hướng nghiên cứu thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH): - Nghiên cứu đánh giá hiệu quả các giải pháp thích ứng với BĐKH; - Nghiên cứu thích ứng BĐKH dựa vào hệ sinh thái		
2	Hướng nghiên cứu giảm nhẹ và kinh tế BĐKH. - Nghiên cứu đề xuất các cách tiếp cận đến nền kinh tế các-bon thấp; - Nghiên cứu các vấn đề về kinh tế BĐKH, giảm nhẹ BĐKH theo hướng tiếp cận mô hình kinh tế tuần hoàn. - Nghiên cứu lượng giá giá trị hệ sinh thái, hạch toán vốn tự nhiên trong bối cảnh BĐKH. - Nghiên cứu thị trường Các Bon, tài chính, tín dụng xanh cho biến đổi khí hậu, Kinh tế biến đổi khí hậu. - Nghiên cứu kiểm kê, thu hồi và hấp thụ khí nhà kính phục vụ thị trường các bon.	PGS.TS. Nguyễn Thế Chinh	03
		PGS.TS. Nguyễn Văn Hồng	04
3	Hướng nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ số. - Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số và AI, GIS và viễn thám giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH. - Nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ số, AI và viễn thám của các hệ sinh thái cho ứng phó BĐKH..		
4	Hướng nghiên cứu chung: - Chuyển đổi xanh, kinh tế xanh, tăng trưởng xanh trong xu thế Hội nhập quốc tế và bối cảnh BĐKH. - Tác động của BĐKH đến các ngành,		

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
	<p>lĩnh vực và hệ sinh thái.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu NDC, đóng góp của Việt Nam vào giảm nhẹ phát thải hướng đến phát thải ròng bằng không.</li> <li>- Nghiên cứu Các bon xanh (Blue Cacbon) và năng lượng tái tạo.</li> <li>- Nghiên cứu sự tham gia của khu vực tư nhân vào giảm nhẹ và thích ứng BĐKH.</li> </ul>		
<b>Ngành Khí tượng và khí hậu học</b>			
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, xây dựng các mô hình kết hợp AI và dữ liệu vệ tinh dự báo các yếu tố khí tượng, thủy văn phục vụ công tác dự báo nghiệp vụ và phòng chống thiên tai.</li> <li>- Nghiên cứu và xây dựng các mô hình tính toán và dự báo năng lượng tái tạo sử dụng tích hợp các mô hình AI và dữ liệu vệ tinh (năng lượng mặt trời, gió) phục vụ phát triển năng lượng sạch ở Việt Nam</li> <li>- Nghiên cứu, đánh giá các tác động của Biến đổi khí hậu đến các vấn đề tự nhiên, kinh tế xã hội: sử dụng đất, sinh kế, di cư ở Việt Nam sử dụng đa dữ liệu (mô hình, viễn thám GIS, KTXH), đa độ phân giải (không gian, thời gian).</li> <li>- Nghiên cứu, đánh giá các tác động của Biến đổi khí hậu đến lĩnh vực ô nhiễm môi trường (môi trường không khí, môi trường biển) và các đề xuất giải pháp thích ứng cho Việt Nam</li> </ul>	PGS. TS. Phạm Thị Thanh Nga	05
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu khoa học cơ bản về vật lý khí quyển, ôzôn và hoàn lưu khí quyển</li> <li>- Nghiên cứu, xây dựng các hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết nguy hiểm dựa trên bộ</li> </ul>	PGS.TS. Nguyễn Văn Thắng	02

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
	số liệu hiện có của Việt Nam kết hợp với các mô hình dự báo hiện đại - Nghiên cứu, xây dựng các hệ thống tích hợp các số liệu truyền thống và phi truyền thống thành bộ cơ sở số liệu ô lưới có độ chính xác cao phục vụ công tác nghiệp vụ dự báo		
3	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số, AI, viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong dự báo và đánh giá hiện trạng, đánh giá tác động của các yếu tố khí tượng thủy văn và thiên tai đến sản xuất nông nghiệp ở các vùng sinh thái nông nghiệp Việt Nam	PGS.TS. Dương Văn Khảm	02
4	- Nghiên cứu quan hệ giữa ENSO và gió mùa tác động đến các hiện tượng thời tiết, khí hậu Việt Nam. - Nghiên cứu biến đổi khí hậu đô thị phục vụ quy hoạch và phát triển đô thị thông minh ứng phó với BĐKH. - Nghiên cứu mô hình hóa tác động của gió và rủi ro do gió mạnh đến công trình xây dựng. - Nghiên cứu rủi ro khí hậu đến nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh	TS. Nguyễn Đăng Mậu	02
<b>Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường</b>			
1	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mô hình số và công nghệ mới (AI, Big Data) trong dự báo tác động, cảnh báo và dự báo Khí tượng Thủy văn và Môi trường.	PGS.TS Doãn Hà Phong	02

#### 2.4.2. Các đề tài nghiên cứu đang triển khai:

Hiện tại Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển đang triển khai 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và 12 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.

TT	Tên đề tài
<b>Đề tài cấp Quốc gia</b>	

TT	Tên đề tài
1.	KC.09.12/21-30. Nghiên cứu xác định các mức cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do nước biển dâng chi tiết một số khu vực trọng điểm ven biển Việt Nam
2.	KC.13.12/21-30. Nghiên cứu xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo xâm nhập mặn dựa trên cơ sở tích hợp công nghệ viễn thám, thông lượng neutron vũ trụ và tia gamma cho khu vực ven biển Việt Nam
3.	KC.13.11/21-30. Nghiên cứu tích hợp dữ liệu đa nguồn từ vệ tinh, bóng thám không tầm thấp, UAV, LiDAR, radar khí tượng và mô hình số khí tượng để tăng độ chi tiết trong xác định đặc điểm, cấu trúc lớp biên khí quyển khu vực duyên hải Bắc Trung Bộ
<b>Đề tài cấp Bộ</b>	
1.	NNMT.2026.05.02. Nghiên cứu nâng cao độ chính xác dự báo lũ đến các hồ chứa chính trên lưu vực sông Đà, sông Chảy và sông Gâm bằng công nghệ học máy kết hợp mô hình khí tượng thủy văn.
2.	NNMT.2026.04.08. Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ quản lý chất thải phát sinh từ cơ sở chăn nuôi trang trại và giết mổ tập trung theo định hướng kinh tế tuần hoàn.
3.	NNMT.2026.04.10. Nghiên cứu cơ sở lý luận và đề xuất nội luật hóa một số quy định của các điều ước quốc tế liên quan đến bảo vệ môi trường biển phục vụ hoàn thiện pháp luật và phát triển bền vững kinh tế biển.
4.	60. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng hệ thống phân loại hệ sinh thái biển Việt Nam
5.	NNMT.2026.04.06. Nghiên cứu ô nhiễm không khí thời gian thực và xây dựng công cụ dự báo phục vụ kiểm soát ô nhiễm và quản lý phát thải tại các đô thị lớn ở Việt Nam. Áp dụng tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.
6.	TNMT.ĐL.2025.02.08. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng hướng dẫn triển khai mô hình hợp tác công tư trong phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm.
7.	TNMT.ĐL.2025.04.28. Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí, quy trình kỹ thuật đánh giá tái sử dụng chất nạo vét vùng cửa sông ven biển và đề xuất các giải pháp thúc đẩy tái sử dụng chất nạo vét theo hướng kinh tế tuần hoàn.
8.	TNMT.ĐL.2025.04.27. Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số nguy cơ ô nhiễm vi nhựa và đánh giá tích tụ vi nhựa trong một số loài động vật đáy thuộc hệ sinh thái rừng ngập mặn vùng cửa sông ven biển Việt Nam.
9.	TNMT.ĐL.2025.04.03. Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất giải pháp thực thi Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa.
10.	TNMT.ĐL.2025.08.05. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam.
11.	TNMT.885.10. Nghiên cứu, đánh giá nhận thức và nhu cầu hỗ trợ và đề xuất giải pháp để phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với bảo vệ môi trường.

TT	Tên đề tài
12.	TNMT.885.13. Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý và hỗ trợ ra quyết định sản xuất nông nghiệp hữu cơ thích ứng biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học tại vùng Trung du miền núi Bắc Bộ.

#### **2.4.3. Các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu sinh:**

- Hàng năm, các nhà khoa học của Viện chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Cơ sở. Trong quá trình học tập tại Viện, nghiên cứu sinh được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn hoặc hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

- Nghiên cứu sinh được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

- Nghiên cứu sinh còn được tạo điều kiện để đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế ở nước ngoài, được mời tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học thường niên, các hội thảo khoa học quốc tế, đăng bài trên tạp chí Khoa học Biến đổi khí hậu có phản biện độc lập của Viện (xuất bản thường kỳ hàng quý).

- Viện đảm bảo đủ đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và đội ngũ giảng viên thỉnh giảng phục vụ cho việc giảng dạy.

#### **2.5. Tổ chức tuyển sinh:**

- Thông báo tuyển sinh: Từ tháng 5 đến tháng 6.

#### **2.6. Chính sách ưu tiên:**

Viện thực hiện các chính sách ưu tiên đối với các đối tượng theo các quy định hiện hành.

#### **2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính:**

- Mức thu học phí: theo Quyết định số 120/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 27/02/2024 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu (nay là Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển) về việc thu học phí của Nghiên cứu sinh thuộc cơ sở đào tạo Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

- Chính sách hỗ trợ tài chính: Theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển được Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn để tham gia đào tạo theo Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 đối với ngành Quản lý tài nguyên và môi trường.

### **3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng**

#### **3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:**

Trang thiết bị phục vụ cho đào tạo Nghiên cứu sinh của Viện KTTVMTB ngày càng được nâng cấp và hiện đại hóa. Viện KTTVMTB có phòng học, phòng hội thảo với các trang thiết bị như: Máy chiếu, màn chiếu, máy tính và các trang thiết bị khác phục vụ giảng dạy nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo. Ngoài ra, Viện KTTVMTB có 02 phòng thí nghiệm hiện đại (trong đó 01 phòng thí nghiệm tại trụ sở ở Hà Nội và 01 phòng thí nghiệm tại trụ sở Phân viện Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển ở

Thành phố Hồ Chí Minh) đáp ứng nhu cầu thí nghiệm cho các nghiên cứu sinh trong quá trình nghiên cứu, học tập.

Thư viện của Viện KTTVMTB có tới hơn 5000 đầu sách bao gồm sách tiếng Nga, Anh, Việt và nhiều tạp chí chuyên ngành khí tượng thủy văn, tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu. Thư viện đã được tin học hóa và hiện đại hóa, qua đó nghiên cứu sinh có thể tra cứu tài liệu như sách, báo, tạp chí, tài liệu trong ngân hàng dữ liệu điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có thể truy cập vào Liên hợp thư viện Việt Nam và tra cứu và truy cập Internet.

### 3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu theo các ngành:

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Chức danh khoa học (GS, PGS)	Trình độ
<b>Ngành Biến đổi khí hậu (Mã số: 9440221)</b>				
1	Nguyễn Thế Chinh	13/08/1960	PGS	TS
2	Nguyễn Văn Hồng	22/10/1979	PGS	TS
3	Đặng Quang Thịnh	25/12/1976		TS
4	Lê Ngọc Cầu	10/11/1974		TS
5	Nguyễn Thị Liễu	04/10/1983		TS
6	Trần Thanh Thủy	21/08/1977		TS
7	Dur Văn Toán	08/11/1968		TS
<b>Ngành Khí tượng và khí hậu học (Mã số: 9440222)</b>				
1	Phạm Thị Thanh Nga	11/02/1972	PGS	TS
2	Nguyễn Văn Thắng	01/09/1962	PGS	TS
3	Dương Văn Khảm	15/05/1960	PGS	TS
4	Nguyễn Đăng Mậu	02/08/1984		TS
5	Nguyễn Hữu Quyền	13/05/1974		TS
6	Trương Bá Kiên	10/07/1986		TS
7	Nguyễn Thị Thanh	03/02/1981		TS
<b>Ngành Thủy văn học (Mã số: 9440224)</b>				
1	Hoàng Minh Tuyển	01/09/1960	PGS	TS
2	Phùng Đăng Hiếu	10/03/1969	PGS	TS
3	Lương Hữu Dũng	18/09/1980		TS
4	Nguyễn Lê Tuấn	14/05/1969		TS

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Chức danh khoa học (GS, PGS)	Trình độ
5	Trần Văn Trà	05/01/1988		TS
6	Lê Quốc Huy	31/10/1978		TS
7	Ngô Thị Thủy	02/09/1985		TS
<b>Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường (Mã số: 9850101)</b>				
1	Vũ Đình Hiếu	14/10/1979	PGS	TS
2	Doãn Hà Phong	11/01/1969	PGS	TS
3	Phạm Văn Lợi	03/11/1965	PGS	TS
4	Nguyễn Thị Phương Mai	22/06/1972		TS
5	Phạm Thanh Long	08/02/1981		TS
6	Nguyễn Thu Minh	25/10/1975		TS

### ***3.3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước đang triển khai***

Viện KTTVMTB đã có những dự án hợp tác với các đối tác là các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và tổ chức trong và ngoài nước, một số dự án đã và đang thực hiện:

+ Điều tra khảo sát, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành/lĩnh vực trọng điểm của lưu vực sông liên tỉnh, liên vùng (sông Hồng và sông Đông Nai), đề xuất giải pháp thích ứng nhằm giảm mức độ dễ bị tổn thương, thiệt hại do tác động của biến đổi khí hậu.

+ Điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của môi trường và đề xuất các giải pháp quản lý, kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường các đầm phá thuộc khu vực biên từ Thừa Thiên Huế đến Ninh Thuận.

+ Điều tra, đánh giá, đề xuất khung hướng dẫn áp dụng, đánh giá việc thực hiện kinh tế tuần hoàn đối với một số ngành công nghiệp năng lượng.

+ Phân vùng rủi ro thiên tai và lập bản đồ cảnh báo nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn.

+ Điều tra, đánh giá hiện trạng xói sạt lở, ô nhiễm môi trường và lập bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo từ Quảng Ninh đến Hải Phòng.

+ Điều tra, đánh giá hiện trạng và xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro do biến đổi khí hậu đối với hệ sinh thái đất ngập nước ven biển từ Hưng Yên đến Ninh Bình.

+ Giám sử dụng và phát thải hóa chất, bao gồm các chất hữu cơ khó phân hủy (POPs) trong lĩnh vực dệt may.

+ Hỗ trợ thiết bị điều tra, khảo sát và phân tích rác thải nhựa đại dương từ Chính phủ Nhật Bản.

+ Đánh giá tác động của việc thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) đến kinh tế - xã hội của Việt Nam.

+ Hỗ trợ nghiên cứu Kinh tế Biển xanh tại Việt Nam (Sách Kinh tế Biển xanh 2.0) do UNDP tài trợ.

+ Triển khai hoạt động quan trắc lắng đọng axit trong khuôn khổ Mạng lưới giám sát lắng đọng axit vùng Đông Á (EANET)

### **3.4. Kiểm định chất lượng**

Viện KTTVMTB có 02 phòng thí nghiệm đều có chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và được công nhận là phù hợp với các yêu cầu của ISO/IEC 17025:2017 với số hiệu VILAS 1616, 284.

VIỆN TRƯỞNG 



★ **Phạm Thị Thanh Nga**